

Số: ~~1347~~ /BGDDT-GDTX

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

V/v báo cáo kết quả 5 năm triển khai  
thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg  
ngày 09/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ

AN PH... NG UBND... LANG SON

ĐẾN  
Số: 1613  
Ngày: 16/5/18

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 09 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 89/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” (sau đây gọi là Đề án 89). Để tổng hợp kết quả 5 năm triển khai thực hiện Đề án 89 báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Xây dựng báo cáo kết quả 5 năm triển khai thực hiện Đề án 89 (theo đề cương gửi kèm).

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và Hội Khuyến học Việt Nam sẽ thành lập Đoàn công tác, kiểm tra việc triển khai Đề án 89 tại một số địa phương. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở GDĐT phối hợp với Hội khuyến học tỉnh và các sở, ban ngành có liên quan xây dựng báo cáo theo yêu cầu; chuẩn bị hồ sơ liên quan đến việc triển khai xây dựng xã hội học tập tại địa phương; bố trí thời gian, địa điểm làm việc với Đoàn kiểm tra.

Thành phần, nội dung và thời gian kiểm tra:

2.1. Thành phần và thời gian, địa điểm đoàn đến kiểm tra: (theo danh sách và thời gian, địa điểm dự kiến được gửi kèm tại phụ lục 01, 02, 03).

2.2. Nội dung làm việc của Đoàn kiểm tra (02 ngày) như sau:

- **Ngày thứ nhất:** Đoàn kiểm tra thực hiện giám sát, đánh giá thực tế 01 xã và làm việc với Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập (Ban chỉ đạo) cấp huyện, do tỉnh bố trí.

+ Thành phần tham dự: Ban chỉ đạo cấp xã, Ban chỉ đạo cấp huyện, đại diện Ban chỉ đạo cấp tỉnh và đại diện các đơn vị, đoàn thể liên quan.

+ Nội dung: Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành; công tác tuyên truyền về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập đối với các ban, ngành, đoàn thể trong huyện, xã và người dân; sự tham gia của các thiết chế văn hóa giáo dục ngoài nhà trường như thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa; kết quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; kết quả xây dựng các mô hình học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị học tập; kết quả triển khai đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã; các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; các đề xuất, kiến nghị.

- Ngày thứ hai: Đoàn làm việc với Ban chỉ đạo của tỉnh/thành phố
- + Thành phần tham dự: toàn bộ thành viên Ban chỉ đạo.
- + Nội dung: Việc xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá kết quả trên cơ sở kế hoạch và mục tiêu đã đề ra; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án 89 và các đề án thành phần; các đề xuất, kiến nghị.

3. Đề nghị Ban chỉ đạo cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả 5 năm triển khai thực hiện Đề án 89 về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục thường xuyên - 35 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; bản mềm qua địa chỉ email: [xuanthuy@moet.gov.vn](mailto:xuanthuy@moet.gov.vn)) trước ngày 10/6/2018 để Bộ GDĐT tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Thông tin chi tiết xin liên hệ với ông Nguyễn Xuân Thủy, Chuyên viên Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT, điện thoại 0868908999.

Bộ GDĐT trân trọng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm chỉ đạo thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ GDĐT-DN, Ban TGTW (để ph/h);
- Hội KHVN (để ph/h);
- Các sở GDĐT (để th/h);
- Lưu VT, Vụ GDTX.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Hữu Độ**

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 89**  
(Kèm theo Công văn số *1347/BGDĐT-GDĐT*, ngày *09* tháng *4* năm 2018 của  
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 89 VÀ CÁC ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN**

**I. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Các văn bản chỉ đạo của cấp tỉnh đã ban hành, chỉ đạo, điều hành thực hiện Đề án 89 và các đề án thành phần (kèm theo báo cáo).

- Đánh giá hoạt động của Ban chỉ đạo (cấp tỉnh, huyện, xã)

**II. Kết quả thực hiện Đề án 89 và các đề án thành phần**

**1. Kết quả thực hiện Đề án 89**

1.1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc xây dựng xã hội học tập

1.2. Cung cấp tài liệu học tập cho các cơ sở giáo dục

1.3. Sự phối hợp giữa các ban, ngành, các đoàn thể, tổ chức xã hội.

1.4. Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (*ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; số lớp đã mở, số người tham gia,...*)

1.5. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án

a) Kết quả học tập nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ

- Số cán bộ, công chức, viên chức tham gia chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm; tỷ lệ.

- Số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 và bậc 3; tỷ lệ.

- Số người lao động đã và đang tham gia học tập nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục; tỷ lệ.

b) Kết quả học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề

- Đối với cán bộ công chức từ tỉnh đến cấp huyện:

+ Số cán bộ, công chức từ tỉnh đến huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định; tỷ lệ.

+ Số cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định; tỷ lệ.

+ Số cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm; tỷ lệ.

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã:

+ Số cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc; tỷ lệ.

+ Số cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định; tỷ lệ.

+ Số công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm; tỷ lệ.

- Đối với lao động nông thôn.

+ Số người tham gia học tập cấp nhập kiến thức, kỹ năng, chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập cộng đồng và các thiết chế văn hóa giáo dục khác; tỷ lệ.

- Đối với công nhân lao động:

+ Số công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn trung học phổ thông hoặc tương đương; tỷ lệ.

+ Số công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn; tỷ lệ.

+ Số công nhân qua đào tạo nghề; tỷ lệ.

d) Kết quả giáo dục kỹ năng sống

- Số cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh có tổ chức dạy kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên, người lao động; tỷ lệ.

- Số học sinh, sinh viên, người lao động đã được học kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục (thông qua các môn học, thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, thông qua các lớp dạy các kỹ năng cơ bản,...); tỷ lệ.

1.6. Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị..

## **2. Kết quả thực hiện các đề án thành phần**

### **2.1. Kết quả thực hiện Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020” (Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 4/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Việc củng cố và kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục - chống mù chữ các cấp;

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án (số kế hoạch; ngày tháng năm ban hành);

- Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án;

+ Số người trong độ tuổi (15-25; 15-35; 15-60) tham gia các lớp xóa mù chữ; trong đó số người dân tộc thiểu số trong độ tuổi (15-25; 15-35; 15-60) tham gia các lớp xóa mù chữ;

+ Số người trong độ tuổi (15-25; 15-35; 15-60) được công nhận đạt chuẩn biết chữ theo mức độ; tỷ lệ.

+ Số người mới biết chữ tiếp tục tham gia học tập với nhiều hình thức khác nhau nhằm củng cố vững chắc kết quả biết chữ; tỷ lệ.

+ Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn xóa mù chữ, mức độ, tỷ lệ.

+ Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ, mức độ, tỷ lệ.

- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

## **2.2. Kết quả thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, câu lạc bộ” (Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án (số kế hoạch; ngày tháng năm ban hành);

- Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án;

+ Số thư viện cấp huyện tổ chức cung cấp dịch vụ truy nhập Internet miễn phí; tỷ lệ.

+ Số thư viện cấp xã tổ chức cung cấp dịch vụ truy nhập Internet miễn phí; tỷ lệ.

+ Số thư viện cấp huyện tổ chức các lớp hướng dẫn, cập nhật kỹ năng, kiến thức cần thiết cho lực lượng lao động ở địa phương; tỷ lệ.

+ Số lượt người trong các năm (2014, 2015, 2016, 2017) sử dụng thư viện công cộng.

+ Tỷ lệ người dân trên địa bàn sử dụng thư viện phục vụ nhu cầu học tập, tìm hiểu kiến thức nâng cao hiểu biết (so với tổng số dân).

+ Số lượt người (trong nước) trong các năm (2014, 2015, 2016, 2017) tham quan bảo tàng.

+ Công tác phối hợp giữa Bảo tàng cấp tỉnh với Sở Giáo dục và Đào tạo về giáo dục thông qua di sản văn hóa; tổ chức học tập về lịch sử, văn hóa địa phương ngay tại bảo tàng (văn bản ký kết phối hợp).

+ Tỷ lệ người dân (khu vực thành thị, đồng bằng và khu vực trung du, miền núi) tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch phục vụ cho mục đích học tập, nâng cao kiến thức, hiểu biết.

- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

## **2.3. Kết quả thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” (Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án (số kế hoạch; ngày tháng năm ban hành);

- Các văn bản chỉ đạo của địa phương và kinh phí thực hiện;

- Các hội nghị/tập huấn đã triển khai và số lượng người được tập huấn;

- Công tác tuyên truyền;
- Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành đoàn thể, của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cá nhân ... (Các văn bản ký kết phối hợp ...);
- Kết quả đạt được và tác động, hiệu quả;
  - + Số lượng các gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị đã đăng ký và đạt danh hiệu "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập" và "Đơn vị học tập" năm 2017; tỷ lệ.
  - + Nhận thức của các cấp lãnh đạo, của các ban ngành đoàn thể và sự hưởng ứng của người dân đối với các mô hình.
  - + Tác động của các mô hình đối với việc khuyến khích phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng; đối với việc xây dựng nông thôn mới hoặc xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư v.v...

- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

#### **2.4. Kết quả thực hiện Đề án Truyền Thông về xây dựng XHHT (Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án (số kế hoạch; ngày tháng năm ban hành);
- Công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, quán triệt thực hiện Đề án;
  - + Công tác truyền thông, phổ biến sâu rộng.
  - + Biên soạn tài liệu tuyên truyền.
  - + Tổ chức hội nghị tập huấn cho các đối tượng theo mục tiêu của đề án (số hội nghị đã tổ chức; số người tham gia).
- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

#### **2.5. Kết quả thực hiện Đề án "Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020" (Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án (số kế hoạch; ngày tháng năm ban hành);
- Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án;
  - + Số công nhân lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn của tỉnh (CNLD) tham gia học tập để đạt trình độ trung học phổ thông; tỷ lệ.
  - + Số CNLD được đào tạo nghề (đào tạo qua trường, lớp hoặc doanh nghiệp tự đào tạo); tỷ lệ.
  - + Số CNLD được đào tạo lại; tỷ lệ.
  - + Số CNLD có tay nghề cao; tỷ lệ.
  - + Số CNLD được học tập, bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học; tỷ lệ.

+ Số CNLĐ được nghiên cứu, học tập, tìm hiểu những kiến thức chính trị cơ bản; được tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công nhân lao động; tỷ lệ.

+ Số CNLĐ được học tập, tìm hiểu những kiến thức cơ bản về nắm bắt thông tin, kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng chăm sóc sức khỏe bản thân, kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình, phòng, chống tội phạm, ma túy, tệ nạn xã hội; tỷ lệ.

+ Số nữ CNLĐ tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế được học tập, tìm hiểu kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản, hôn nhân và gia đình; tỷ lệ.

- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

## **2.6. Kết quả thực hiện Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020” (Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án (số kế hoạch; ngày tháng năm ban hành);

- Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án;

+ Số cơ sở giáo dục của tỉnh có cung cấp chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân; tỷ lệ.

+ Số cơ sở giáo dục thường xuyên có cung cấp các chương trình đào tạo từ xa cấp chứng chỉ, chương trình phổ biến kiến thức; tỷ lệ.

+ Số cơ sở giáo dục có đầu tư và sử dụng công nghệ đào tạo từ xa tiên tiến để triển khai các chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng; tỷ lệ.

+ Số cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo từ xa được bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng về đào tạo từ xa; tỷ lệ.

- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

## **B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN (tại thời điểm báo cáo)**

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

4. Bài học kinh nghiệm

## **C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TRONG GIAI ĐOẠN 2018-2020**

## **D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

## DANH SÁCH ĐOÀN KIỂM TRA

(Kèm theo Công văn số 1347/BGDĐT-GDĐT, ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### \* Đoàn kiểm tra số 1:

1. Ông Nguyễn Hữu Độ, Thứ trưởng Bộ GDĐT – Trưởng đoàn
2. Ông Nguyễn Công Hình, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT – Thành viên
3. Bà Thái Thị Xuân Đào, Phó Trưởng Ban phong trào Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam – Thành viên
4. Bà Lê Thị Mai Hoa, Chuyên viên chính Vụ Giáo dục và Đào tạo, Dạy nghề, Ban Tuyên giáo Trung ương – Thành viên
5. Ông Nguyễn Lương Nhật, Chuyên viên Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT – Thành viên (thư ký đoàn)

### \* Đoàn kiểm tra số 2:

1. Bà Phạm Thị Hòa, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam – Trưởng đoàn
2. Ông Phạm Sỹ Bình, Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo – Thành viên
3. Ông Phan Văn Long, Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục và Đào tạo, Dạy nghề, Ban Tuyên giáo Trung ương – Thành viên
4. Bà Nguyễn Thị Thọ, Chánh văn phòng Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam – Thành viên
5. Ông Nguyễn Xuân Thủy, Chuyên viên Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT – Thành viên (thư ký đoàn)

### \* Đoàn kiểm tra số 3:

1. Ông Phạm Tất Dong, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam – Trưởng đoàn
2. Ông Nguyễn Đắc Hưng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục và Đào tạo, Dạy nghề, Ban Tuyên giáo Trung ương – Thành viên
3. Ông Nguyễn Hồng Sơn, Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT – Thành viên
4. Ông Phan Đăng Hùng, Trưởng Ban phong trào, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam – Thành viên
5. Bà Điều Thị Thủy Nguyên, Chuyên viên Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT – Thành viên (thư ký đoàn)



**DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG DỰ KIẾN ĐƯỢC KIỂM TRA**

(Kèm theo Công văn số ~~1347~~1347/BGDĐT-GD&ĐT, ngày 08 tháng 4 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Địa phương dự kiến kiểm tra	Thời gian dự kiến	Dự kiến đoàn công tác	Phương tiện
1	Tại Cao Bằng, Sơn La	Tháng 5,6/2018	Đoàn kiểm tra số 1	Ô tô
2	Tại Hải Phòng, Quảng Ninh	Tháng 5,6/2018	Đoàn kiểm tra số 2	Ô tô
3	Tại Thanh Hóa; Nghệ An	Tháng 5,6/2018	Đoàn kiểm tra số 3	Ô tô
4	Tại Gia Lai, Đắk Lắk	Tháng 5,6/2018	Đoàn kiểm tra số 2	Máy bay
5	Tại Phú Yên, Khánh Hòa	Tháng 10,11/2018	Đoàn kiểm tra số 1	Máy bay
6	Tại Kiên Giang, Bạc Liêu	Tháng 10,11/2018	Đoàn kiểm tra số 2	Máy bay
7	Tại Yên Bái; Thái Bình	Tháng 10,11/2018	Đoàn kiểm tra số 3	Ô tô

*Ghi chú: Thời gian cụ thể do các trường đoàn quyết định và gửi công văn đến các địa phương được kiểm tra.*

**NỘI DUNG KIỂM TRA  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Công văn số ~~1347~~/BGDDĐT-GDĐT, ngày ~~09~~ tháng 4 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

	Thời gian	Nội dung	Thành phần
Ngày thứ nhất	Sáng 8h00-11h30	Làm việc với Ban chỉ đạo cấp xã (do Ban chỉ đạo cấp tỉnh lựa chọn)	- Ban chỉ đạo cấp xã, giám đốc trung tâm học tập cộng đồng và đại diện các đơn vị, đoàn thể liên quan; - Đại diện Ban chỉ đạo huyện; - Đại diện Ban chỉ đạo cấp tỉnh; - Đoàn Công tác
	Chiều 13h30-17h00	Làm việc với Ban chỉ đạo cấp huyện (do Ban chỉ đạo cấp tỉnh lựa chọn)	- Ban chỉ đạo cấp huyện, Phòng GDĐT, Hội Khuyến học cấp huyện; - Đại diện Ban chỉ đạo cấp tỉnh; - Đoàn Công tác
Ngày thứ hai	Sáng 8h00-11h30	Làm việc với Ban chỉ đạo cấp tỉnh	- Ban chỉ đạo cấp tỉnh, Sở GDĐT, Hội Khuyến học cấp tỉnh; - Đoàn Công tác
	Chiều 14h00	Đi tỉnh khác	- Đoàn Công tác